TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88**/2019/KDTM-PT**
Ngày: 14/8/2019
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Ông Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2019/TLPT-KDTM ngày 22/02/2019 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/ KDTM-ST ngày 17/10/2018 của Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1,6,7, tòa nhà C số 16 phố P, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc T (theo giấy ủy quyền số 0396 ngày 23/5/2016). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H

Địa chỉ trụ sở: Số 164 đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T - Giám đốc.

Địa chỉ: Số 6 ngõ 79 phố T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn A- Luật sư, văn phòng Luật sư G thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Anh Nguyễn Hải L, sinh năm 1971

+ Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1974

Cùng ĐKHKTT: Số 6, ngõ 79, phố T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị M.

Địa chỉ: Số 8 ngách 379/8 đường H, tổ 01B phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

+ Anh Đoàn Đức T (sinh năm 1965,đã chết ngày 12/6/2016)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Đoàn Đức T gồm:

+ Ông Đoàn Đức K; bà Lê Thị Q và cháu Đoàn Hương T

Cùng trú tại: Số nhà 23 ngõ T, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội

+ Anh Đoàn Đức Đ (con anh trai anh Đoàn Đức T) và chị Trần Thị Thu H (chị H và anh T đã ly hôn ngày18/7/ 2000)

Hiện ở tại: Số nhà 191 hẻm 207 Đường P, phường 5, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đức K; bà Lê Thị Q anh Đoàn Đức Đ và cháu Đoàn Hương T là ông Dương Đình K (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2019 và ngày 28/3/2019).

Địa chỉ: Số 7A phố D, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đoàn Đức K: Ông Nguyễn Đắc T - Luật sư, Công ty Luật Hợp danh H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 374 - 376 Đường L, phường O, quận Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và thương mại H; ông Đoàn Đức K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 06/09/2010 Ngân hàng Th- ơng mại Cổ phần V- Chi nhánh L (gọi tắt là Ngân hàng V) và Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H (gọi tắt là Công ty H) ký kết Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10, theo đó Ngân hàng cho Công ty H vay tổng hạn mức tín dụng 8.000.000.000 VNĐ (Tám tỷ đồng chẵn); Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 06/09/2010 đến ngày 06/09/2011; lãi suất Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh thép xây dựng các loại.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H nhận đủ 6,5 tỷ đồng theo các Khế ước nhận nợ số 110.07 ngày 16/6/2011 nhận nợ 2.900.000.000 đồng, Khế ước nhận nợ số 110.08 ngày 18/6/2011 nhận nợ 2.000.000.000 đồng, Khế ước nhận nợ số 110.09 ngày 20/6/2011 nhận nợ 1.6000.000.000 đồng, lãi suất vay 22%/ năm.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ các khoản vay nêu trên, Ngân hàng, Công ty H và người có tài sản thế chấp đã ký 02 Hợp đồng thế chấp tại Phòng công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 02848.10 ngày 16/9/2010 là bất động sản tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 1112m2 tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 605574 do UBND huyện S cấp ngày 11/11/2005 đứng tên bà Dương Thị D (Bà Dương Thị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng số 173 ký ngày 10/09/2010 tại UBND xã M, huyện S, thành phố Hà Nội, đã được Văn phòng đăng ký nhà đất huyện S xác nhận trong Giấy chứng nhận).

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số công chứng 02725.10 ngày 04/9/2010 là nhà bê tông 04 tầng trên diện tích đất 57,7 m2 tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, địa chỉ số 116 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 do UBND quận B cấp ngày 29/12/2004 cho ông Đoàn Đức T.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Công ty H mới trả nợ gốc được 2.200.000.000 đồng, sau đó không trả được nữa, vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 16/11/2011. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo làm việc và yêu cầu nhưng Công ty vẫn không trả nợ.

Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H trả nợ gốc 5.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ và tiếp tục trả lãi quá hạn như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên.

Nếu Công ty H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý 02 tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Bà Nguyễn Thị T - Ng- ời đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H trình bày: Xác nhận ngày 06/09/2010 Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh L ký kết Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 và Công ty H nhận đủ 6.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng tại các Khế ước nhận nợ như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng.

Công ty H mới trả Ngân hàng được 2.200.000.000 đồng nợ gốc và 01 phần tiền lãi sau đó không trả được nữa do khó khăn về tài chính. Hiện Công ty H xác nhận tính đến ngày 06/01/2016 còn nợ Ngân hàng TMCP V 5.800.000.000 đồng tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn 114.790.893 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.089.376.748 đồng như Ngân hàng yêu cầu là đúng.

Tài sản đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty H là 02 bất động sản như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Công ty H cam kết trả nợ gốc 5.800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ cho Ngân hàng theo phương thức như sau:

Công ty sẽ bàn giao tài sản thế chấp tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, thôn T, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thanh toán nợ.

Trường hợp không trả hết nợ thì Công ty sẽ thanh toán trả hết nợ còn lại trong vòng 06 tháng. Nếu không trả hết nợ theo cam đoan thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G - III - 38, số 16 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hải L trình bày:

Ông Nguyễn Hải L và bà Nguyễn Thị T đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận H, Hà Nội vào ngày 23/10/2013. Ông L xác nhận thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 605574 do UBND huyện S cấp ngày 11/11/2005 đứng tên bà Dương Thị D Sau đó bà Dương Thị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng số 173 ký ngày 10/09/2010 tại UBND xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Ngày 15/9/2010 tại Văn phòng công chứng Hà Nội - A38 phố H, phường T, quận C, Hà Nội, Ông L và bà Nguyễn Thị T đã lập Hợp đồng ủy quyền với nội dung: Ông L đồng ý ủy quyền cho bà T được quyền thế chấp thửa đất nêu trên để bảo lãnh cho bên thứ 3 vay vốn tại Ngân hàng.

Sau đó ngày 16/9/2010 tại Văn phòng công chứng V- số 48 Phố G, quận B, Hà Nội, bà T và Ngân hàng đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự trả nợ các khoản vay của Công ty H với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh L theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/09/2010.

Nay Ngân hàngkhởi kiện yêu cầu Công ty H do bà T là Giám đốc trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/09/2010. Ông L có ý kiến như sau: Hiện nay Ông L và bà T không còn là vợ chồng nên bà T có toàn quyền quyết định đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội. Trường hợp Công ty H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ, Ông L không có thắc mắc gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Đức T trình bày: Xác nhận là chủ sở hữu, sử dụng nhà bê tông 04 tầng trên diện tích đất 57,7 m2 tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, địa chỉ số 116 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội đã được cấp sổ đỏ đứng tên anh Đoàn Đức T Sau đó anh T đã ký Hợp đồng thế chấp toàn bộ nhà đất trên - số công chứng 02725.10 ngày 04/9/2010 cho Ngõn hàng TMCP V để bảo lãnh, bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/09/2010. Trường hợp Công ty H không trả được nợ vay của Ngõn hàng TMCP V thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là nhà đất của anh T để thanh toán trả nợ, anh không có thắc mắc gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đoàn Đức T (chết ngày 12/6/2016). Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh T là ông Đoàn Đức K, bà Lê Thị Q Chị Đoàn Hương T trình bày: Anh Đoàn Đức T là con của ông Đoàn Đức K và bà Lê Thị Q Anh T đã ly hôn vợ là chị Trần Thị Thu H năm 2000. Hiện nay con anh T là cháu Đoàn Hương T ở cùng ông K, bà Q, còn cháu Đoàn Đức Đ ở cùng mẹ tại địa chỉ: số 191 (hẻm 207) Đường P, phường 5, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, số 116 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội là tài sản của anh Đoàn Đức T đã được UBND quận B cấp Giấy chứng nhận

quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 ngày 29/12/2004 đứng tên anh Đoàn Đức T Tài sản này không liên quan đến chị H các cháu Thảo, Đạt còn nhỏ nên không có đóng góp gì. Khi anh T còn sống cho chị Nguyễn Thị M thuê, kinh doanh đến nay còn nguyên trạng và sau khi anh T mất gia đình tiếp tục cho chị Nguyễn Thị M thuê.

- Việc anh Đoàn Đức T thế chấp nhà đất để bảo lãnh cho Công ty H vay tiền Ngân hàng thì gia đình không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện, gia đình ông K đề nghị Công ty H, bà Nguyễn Thị T - Giám đốc phải trả nợ cho Ngân hàng để gia đình lấy lại Giấy chứng nhận nhà đất trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M thuê lại nhà đất trên của anh T để kinh doanh. Sau khi anh Đoàn Đức T chết, Chị M tiếp tục thuê lại của gia đình anh T để kinh doanh và tài sản thuê còn nguyên trạng cho đến thời điểm hiện nay. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về việc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ Công ty H và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Chị M chấp hành quyết định của Tòa án và không có yêu cầu đề nghị gì trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền Ngõn hàng TMCP V trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã thu hồi giải quyết xong đối với tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là bất động sản tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 1112m2 tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội và không yêu cầu Tòa án giải quyết xử lý tài sản thế chấp này.

Yêu cầu Công ty H trả nợ 18.658.844.875 đồng, trong đó: Nợ gốc 5.800.000.000 đồng được trừ giá trị tài sản thế chấp Ngân hàng đã thu hồi nêu trên là 697.000.000 đồng, Công ty H còn phải trả nợ gốc là 5.103.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 114.790.893 đồng, nợ lãi quá hạn 13.441.053.982 đồng tính đến ngày 17/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ. Công ty H tiếp tục trả lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc như thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 cho đến khi Công ty H tất toán khoản vay. Nếu Công ty H không trả hết nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là nhà đất của anh Đoàn Đức T theo quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 17/10/2018 của Toà án nhân dân quận C đã xử :

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngõn hàng TMCP V. Công ty H phải trả nợ Ngõn hàng TMCP V số tiền 18.658.844.875 đồng, trong đó: Nợ gốc 5.103.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.790.893 đồng; Nợ lãi quá hạn: 13.441.053.982 đồng tính đến ngày 17/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngõn hàng TMCP V về việc đề nghị giải quyết xử lý tài sản thế chấp bảo đảm là bất động sản tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 1112m2 tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 02848.10 ngày 16/9/2010 giữa bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn Hải L và Ngân hàng TMCP V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 605574 do UBND huyện S cấp ngày 11/11/2005 cho bà Dương Thị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị T

theo Hợp đồng chuyển nhượng số 173 ký ngày 10/09/2010 tại UBND xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

Tr- ờng hợp Công ty H không trả đ- ợc toàn bộ số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo lãnh, bảo đảm của bên thứ ba là nhà bê tông 04 tầng trên diện tích đất 57,7 m2 tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số công chứng 02725.10 ngày 04/9/2010 giữa anh Đoàn Đức T chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP V. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 do UBND quận B cấp ngày 29/12/2004 cho anh Đoàn Đức T Các bên đương sự và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của anh Đoàn Đức T (đã chết) có trách nhiệm nghĩa vụ tiếp tục thực hiện.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2018 ông Đoàn Đức K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do bản án sơ thẩm không khách quan; ngày 26/10/2018 bà Nguyễn Thị T Giám đốc Công ty TNHH tư vấn đầu tư và thương mại H kháng cáo về phần tính lãi suất với lý do Ngân hàng tính phần tiền nợ gốc không đúng và không điều chỉnh lãi suất theo quy định.

Tại cấp phúc thẩm:

+ Đại diện của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H trả nợ gốc là 5.103.000.000 đồng, xác định lại số tiền đã giải ngân cho Công ty H là 8.000.000.000 đồng, ông Nghiêm Vĩnh L là người có tài sản thế chấp trước đó đã trả nợ gốc được 1.500.000.000 đồng vì vậy Ngân hàng đã giải chấp 01 tài sản của ông Nghiêm Vĩnh L trước khi khởi kiện và không đưa vào yêu cầu khởi kiện. Tại thời điểm khởi kiện thì Công ty H đã trả nợ gốc được 2.200.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu tính lãi, xác định nợ lãi trong hạn là 114.790.893 đồng. Còn lãi suất trong hạn áp dụng đối với khoản nợ gốc là 12%/năm và quá hạn là 18%/năm

+ Đại diện Công ty H bà Nguyễn Thị T (đồng thời bà T cũng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Công ty H - Luật sư Nguyễn Văn A xác nhận: Công ty H và Ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 110/HDDTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các khế ước nhận nợ cùng 02 khối tài sản đảm bảo như đại diện Ngân hàng trình bầy là đúng. Tuy nhiên, trong 3 khế ước nhận nợ, Ngân hàng đã xử lý 02 tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, nay Ngân hàng yêu cầu Công ty H trả 5.103.000.000 đồng tiền nợ gốc là không đúng. Tại thời điểm hai bên ký 03 khế ước nhận nợ gồm: tháng 6/2011 thì lãi suất theo thỏa thuận là 22%, cộng biên độ 4%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, vì vậy lãi suất thỏa thuận tối đa là 39%/năm, trong khi đó lãi suất tại thời điểm cho vay của Ngân hàng Nhà nước là 9%/năm.

Căn cứ Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì việc hai bên thỏa thuận lãi suất 39%/năm (đó là thời điểm ký Hợp dồng tín dụng và các khế ước nhận nợ) là vi phạm Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Đồng thời, hàng tháng Ngân hàng không gửi thông báo điều chỉnh lãi suất cho Công ty H; Khi Ngân hàng Nhà nước có văn bản điều chỉnh lãi suất cho vay đối

với các doanh nghiệp vừa và nhỏ thì Ngân hàng V không điều chỉnh lãi suất cho vay theo quy định. Hiện Ngân hàng đang tính lãi suất là 34,5% là quá cao nên số tiền lãi là 13.441.053.982 đồng là không đúng.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lại số tiền lãi nêu trên theo quy định pháp luật.

+ Ông Dương Đình K là người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đức K, bà Lê Thị Q chị Đoàn Hương T và anh Đoàn Đức Đ trình bày: Anh Đoàn Đức T là con trai ông Đoàn Đức K và bà Lê Thị Q Do cần tiền kinh doanh nên thông qua mối quan hệ quen biết, anh T gặp chị T đặt vấn đề vay 300.000.000 đồng. Chị T đồng ý với điều kiện anh T phải cùng chị T ra công chứng "sổ đỏ" để Công ty H do chị T làm giám đốc dùng "sổ đỏ" của anh T vay Ngân hàng 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), chị T sử dụng 900.000.000 đồng, anh T sử dụng 300.000.000 đồng. Vì đang cần tiền nên anh T đồng ý. Việc anh T dùng sổ đỏ nhà đất trên để Công ty H vay tiền thì gia đình ông K không hề biết.

Anh T và chị T ký hợp đồng thế chấp "sổ đỏ" nhà đất trên của anh T trong thời hạn 01 năm. Hết hạn 01 năm, anh T gặp chị T để trả số tiền đã vay và yêu cầu chị T lấy lại "sổ đỏ" trả lại anh T nhưng chị T không thực hiện và viết cam kết là sau sáu tháng chị T sẽ trả tiền Ngân hàng, anh T sẽ trả Ngân hàng 300.000.000 đồng nhưng sau đó chị T đi đâu thì anh T không biết, Công ty H cũng không hoạt động kinh doanh nữa.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận C đã quyết định, gia đình ông K không đồng ý với lý do: Anh T cam kết dùng nhà đất của mình để đảm bảo cho khoản vay 1.200.000.000 đồng chứ không phải 6.500.000.000 đồng. Hồ sơ anh T bảo đảm cho Công ty H vay cùng tài sản của chị T số tiền là 6.500.000.000 đồng nhưng hồ sơ xử lý tài sản riêng của chị T tại huyện S đã bảo đảm toàn bộ khoản vay 6.500.000.000 đồng. Hồ sơ của Công ty H thể hiện anh T là thành viên góp 10% vốn nhưng biên bản góp vốn không có. Trong hồ sơ kinh doanh của Công ty H thì số tiền 6.500.000.000 đồng Ngân hàng chuyển khoản 100% tiền cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại G với mục đích thanh toán tiền hàng nhưng không có hợp đồng kinh tế và phiếu xuất nhập hàng giữa hai công ty.

Gia đình ông K thống nhất trả lại chị T số tiền 300.000.000 đồng anh T đã vay của chị T và Ngân hàng trả lại 'sổ đỏ" nhà đất trên của anh T cho gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. *Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:* Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H về vấn đề lãi suất và nợ lãi.

Xác định tỷ lệ chịu nghĩa vụ của từng tài sản thế chấp trên cơ sở hợp đồng tín dụng và 03 hợp đồng thế chấp tương ứng. Từ đó xác định trách nhiệm trả nợ của chủ sở hữu tài sản thế chấp tại Phố H theo tỷ lệ nêu trên đối với số nợ gốc còn lại tại thời điểm nợ quá hạn là 6.500.000.000đ, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tương ứng mà các bên đã thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, có cơ sở để chấp nhận một

phần kháng cáo của ông Đoàn Đức K về tỷ lệ chịu nghĩa vụ của gia đình ông.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định lại phần án phí đối với bị đơn, lãi suất áp dụng đối với bị đơn sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (do xác định lại lãi suất)

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị định 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Chấp nhận nội dung sửa đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về vấn đề lãi suất và nợ quá hạn.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H về xác định và nợ lãi.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đoàn Đức K về việc chia tỷ lệ chịu nghĩa vụ bảo đảm của bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, diện tích 57,7m2 tại địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty H do bà Nguyễn Thị T làm giám đốc và ông Đoàn Đức K được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời gian quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xét xử và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP V, bà Nguyễn Thị T – Giám đốc Công ty H, ông Dương Đình K (đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Đức K, bà Lê Thị Q chị Đoàn Hương T , anh Đoàn Đức Đ), luật sư Nguyễn Văn Avà Luật sư Nguyễn Đắc T có mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án là anh Nguyễn Hải L, chị Nguyễn Thị M vắng mặt nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

* Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty H phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 110/HDDTD2-NHV11/10 nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật.

* Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H có địa chỉ tại Số 164 đường P, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

* Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

* Về nội dung vụ án:

- Xét Hợp đồng tín dụng số 110/HDDTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty H vay số tiền 8.000.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng đã được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Nội dung hợp đồng phù hợp quy định của Bộ luật dân sự nên hợp đồng tín dụng các bên ký kết có giá trị pháp lý.

**Về các nội dung kháng cáo:*

**Xét kháng cáo của Công ty H*

- Các tài liệu trong hồ sơ và lời khai của các đương sự xác định: Kể từ ngày 16/11/2011 Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn với số tiền nợ gốc 6.500.000.000 đồng. Tại thời điểm khởi kiện Công ty H còn nợ 5.800.000.000đ. Sau khi thu hồi tài sản thế chấp của bà T thì ngân hàng xác định Công ty H còn nợ 5.103,000,000 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng xin thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện như sau: Xác định nợ lãi trong hạn là 114.790.893 đồng. Còn áp dụng lãi suất trong hạn đối với khoản nợ gốc còn lại là 12%/năm và quá hạn là 18%/năm. Tính đến ngày 17/10/2018 Công ty H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 17/10/2018 là 6.869.047.732 đồng. Bị đơn và các đương sự đồng ý với cách tính lãi trong hạn và quá hạn của Ngân hàng. Sự thay đổi yêu cầu tính lãi nêu trên là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy, kể từ ngày 16/11/2011 Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ với số tiền nợ gốc 6.500.000.000 đồng nên phát sinh trách nhiệm của các chủ tài sản thế chấp đối với nghĩa vụ nêu trên kể từ thời điểm này. Theo quy định của Bộ luật dân sự về tài sản đảm bảo thì đây là nhiều tài sản đảm bảo cho một khoản nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã tiến hành giải chấp cho 01 tài sản thế chấp và thu hồi 01 tài sản thế chấp mà không có sự đồng ý của chủ tài sản còn lại là không đảm bảo sự công bằng trong việc giải chấp và thu hồi tài sản thế chấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác định, phân chia tỉ lệ chịu nghĩa vụ của từng tài sản thế chấp là không đúng và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ tài sản thế chấp khác. Do đó, cần xác định tỷ lệ chịu nghĩa vụ của từng tài sản thế chấp trên cơ sở hợp đồng tín dụng và 03 hợp đồng thế chấp đối với khoản tiền nợ gốc 8.000.000.000đ. Từ đó xác định trách nhiệm trả nợ của Công ty H và trách nhiệm của chủ sở hữu tài sản thế chấp đảm bảo của bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, diện tích 57,7m^2 tại địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội tương ứng tỷ lệ nêu trên của số tiền nợ 8.000.000.000 đồng ban đầu và nợ lãi tương ứng theo lãi suất mà các đương sự đã thống nhất tại phiên tòa phúc thẩm (trong trường hợp Công ty H không thanh toán được nợ). Sau khi tính toán phân bổ nghĩa vụ trả nợ của Công ty H liên quan đến tỷ lệ phần trăm của ba tài sản đảm bảo cụ thể như sau:

- Tài sản của ông Đoàn Đức T đảm bảo cho khoản nợ gốc tối đa là 7.824.000.000 đồng, tỷ lệ 47% tổng giá trị bảo lãnh. Trong đó:

+ Nợ gốc: 3.769.694.050 đồng.

+ Nợ lãi: 299.972.749 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 3.236.776.045 đồng.

Tổng cộng giá trị đảm bảo thực tế: 7.306.442.844 đồng.

- Tài sản của ông Nghiêm Vĩnh L đảm bảo cho khoản nợ gốc tối đa là 3.780.000.000 đồng, tỷ lệ 23% tổng giá trị bảo lãnh. Trong đó:

+ Nợ gốc: 1.821.247.892 đồng.

+ Nợ lãi: 144.925.485 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 1.563.779.838 đồng.

Tổng cộng giá trị đảm bảo thực tế: 3.529.953.215 đồng.

- Tài sản của bà Nguyễn Thị T đảm bảo cho khoản nợ gốc tối đa là 5.000.000.000 đồng, tỷ lệ 30% tổng giá trị bảo lãnh. Trong đó:

+ Nợ gốc: 2.409.058.058 đồng.

+ Nợ lãi: 191.700.377 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 2.068.491.849 đồng.

Tổng cộng giá trị đảm bảo thực tế: 4.669.250.284 đồng.

Như vậy có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty H về vấn đề lãi suất và nợ lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm bả T cho rằng tài sản ở huyện S của bà không phải là tài sản thế chấp mà ngân hàng phải trả lại cho bà vì bà đã bổ sung thêm tài sản của ông L. Sau đó bà T xác định bà đã ký vào văn bản hòa giải tại tòa án để bàn giao tài sản cho ngân hàng. Bà T và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà T cho rằng Ngân hàng đã thu giữ tài sản mà không thông báo cho bà T bà T không biết quá trình thu giữ, Ngân hàng (công ty V) định giá không đúng với giá trị tài sản là Bất động sản mà bà T đã thế chấp. Hồ sơ năng lực của công ty V không có nên không xác định được công ty này có chức năng định giá tài sản là bất động sản hay không.

Ngân hàng xác định đã đảm bảo trình tự thủ hồi tài sản thế chấp theo quy định và đã niêm yết công khai tại nơi có tài sản bị thu hồi. Do bà T không có mặt ở nơi cư trú nên ngân hàng không thể liên lạc, gửi thông báo cho bà Thủy.

Nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà T đã biết về vấn đề này và không có ý kiến, không có yêu cầu phản tố nên đến cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết. Tuy nhiên nếu không đồng ý với kết quả định giá này và quá trình xử lý thu hồi tài sản thế chấp nói trên, bà T có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* Xét kháng cáo của ông Đoàn Đức K: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Ông K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng không triệu tập đầy đủ các đương sự có mặt tại tòa để xem xét đối chất làm rõ sự việc và Bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng bản chất sự việc Tòa đã tuyên Ngân hàng được quyền phát mại tài sản là nhà đất của gia đình ông.

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa đến các đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật nên yêu cầu này của ông K không được chấp nhận.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 02725.10 ngày 04/9/2010 ông Đoàn Đức T bà Nguyễn Thị T đã ký thế chấp tài sản bảo lãnh, bảo đảm của bên thứ ba là nhà bê tông 04 tầng trên diện tích đất 57,7 m^2 tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số

8G-III-38, dịa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ. Hợp đồng thế chấp nêu trên là sự tự nguyên của các bên, theo trình tự thủ tục, phù hợp với quy định của pháp luật, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Hiện tài sản thế chấp còn nguyên trạng, do gia đình ông Đoàn Đức K, chị Nguyễn Thị M quản lý sử dụng. Các bên đương sự và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của anh Đoàn Đức T có trách nhiệm nghĩa vụ tiếp tục thực hiện.

Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc xử lý tài sản bảo đảm của bà T và Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này là đúng quy định pháp luật tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định trường hợp Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H không trả hết nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp bảo lãnh, bảo đảm của bên thứ ba là bất động sản tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, diện tích 57,7m2 tại địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở' hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 do UBND quận B cấp ngày 29/12/2004 cho ông Đoàn Đức T Các bên đương sự và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông Đoàn Đức T (đã chết) có trách nhiệm nghĩa vụ tiếp tục thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty H là không đúng quy định pháp luật như đã nhận định ở trên. Mà cần xác định tỷ lệ chịu nghĩa vụ của từng tài sản thế chấp trên cơ sở hợp đồng tín dụng và 03 hợp đồng thế chấp tương ứng. Từ đó xác định trách nhiệm trả nợ của chủ sở hữu tài sản thế chấp tại Phố H theo tỷ lệ nêu trên đối với số nợ gốc còn lại tại thời điểm nợ quá hạn là 6.500.000.000đ, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tương ứng mà các bên đã thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đoàn Đức K về tỷ lệ chịu nghĩa vụ bảo đảm đối với Ngân hàng của gia đình ông.

Như vậy, tài sản đảm bảo là nhà đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, diện tích 57,7m2 tại địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 do UBND quận B cấp ngày 29/12/2004 cho ông Đoàn Đức T chỉ đảm bảo mức tối đa tổng giá trị bảo lãnh cho khoản nợ gốc và nợ lãi là 7.824.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm cần xác định lại phần án phí đối với bị đơn, lãi suất áp dụng đối với bị đơn sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (do xác định lại lãi suất.

Kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

* Về án phí: Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi về vấn đề lãi suất và nợ quá hạn nên cần xác định lại án phí sơ thẩm. Do chấp nhận một phần kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáokhông phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- - Điều 305; Điều 342; Điều 351; Điều 355; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Luật các tổ chức tín dụng.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo: Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Toà án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 17/10/2018 của TAND quận C, thành phố Hà Nội về vấn đề xác định nợ lãi.

Xử:

1. Chấp nhận yêu một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H.

2. Buộc Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H phải trả nợ Ngõn hàng TMCP V số tiền 12.086.838.625 đồng (Mười hai tỷ,không trăm, tám mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng). trong đó: Nợ gốc 5.103.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.790.893 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.869.047.732 đồng tính đến ngày 17/10/2018 theo Hợp đồng tín dụng số 110/HĐTD2-NHV11/10 ngày 06/9/2010 và các Khế ước nhận nợ.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của Ngõn hàng TMCP V về việc đề nghị giải quyết xử lý tài sản thế chấp bảo đảm là bất động sản tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 29, diện tích 1112m2 tại thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 02848.10 ngày 16/9/2010 giữa bà Nguyễn Thị T ông Nguyễn Hải L và Ngân hàng TMCP V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 605574 do UBND huyện S cấp ngày 11/11/2005 cho bà Dương Thị D đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng thửa đất này cho bà Nguyễn Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng số 173 ký ngày 10/09/2010 tại UBND xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

Tr- ờng hợp Công ty H không trả đ- ợc toàn bộ số nợ nêu trên thì Ngõn hàng TMCP V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp bảo lãnh, bảo đảm của bên thứ ba là nhà bê tông 04 tầng trên diện tích đất 57,7 m2 tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 8G-III-38, địa chỉ số 116 Phố H, nay là số 08 ngõ 379 Phố H, phường L, quận B, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở số công chứng 02725.10 ngày 04/9/2010 giữa ông Đoàn Đức T bà Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP V. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất ở số 10101212932 do UBND quận B cấp ngày 29/12/2004 cho ông Đoàn Đức T Các bên đương sự và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của anh Đoàn Đức T có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong hạn mức tối đa là 7.824..000.000 đồng.

3. Trường hợp đã phát mại tài sản đảm bảo trên để thu hồi nợ mà giá trị tài sản thu hồi không đủ trả nợ thì Công ty H vẫn tiếp tục phải thanh toán phần nợ thiếu cho Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH tư vấn đầu tư thương mại H phải chịu 120.086.838 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V số tiền 61.336.345 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0000426 ngày 24/12/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, Thành phố Hà Nội.

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty TNHH tư vấn đầu tư và thương mại H; ông Đoàn Đức K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty TNHH tư vấn đầu tư và thương mại H số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006440 ngày 31/10/2018 và ông Đoàn Đức K số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm (đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006423 ngày 25/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình

BÁO CÁO VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI PHÚC THẨM

(Thụ lý số 96/2018/KDTM PT ngày 12/9/2018)

Thẩm phán: Lê Thanh Bình

1. ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội

Địa chỉ trụ sở: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. ***Bị đơn:*** Công ty TNHH Thiên Tân

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Tân

Địa chỉ tụ sở: Số 18A Phạm Đình Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Hộ gia đình ông Nguyễn Thế Mùi gồm: Ông Nguyễn Thế Mùi; bà Nguyễn Thị Lợi; anh Nguyễn Quốc Vượng, chị Nguyễn Thị Thương (cháu Nguyễn Bảo Khanh, sinh năm 2016 con anh Vượng và chị Thương do anh Vượng, chị Thương làm đại diện theo pháp luật); anh Nguyễn Quốc Việt, chị Trịnh Quỳnh Anh (cháu Nguyễn Quế Phương, sinh năm 2011 con anh Việt và chị Quỳnh Anh do anh Việt, chị Quỳnh Anh làm đại diện theo pháp luật); anh Nguyễn Phương Nam, chị Nguyễn Tú Quyên (cháu Nguyễn Nam Phong là con anh Nam và chị Quyên do anh Nam, chị Quyên đại diện theo pháp luật).

Cùng trú tại địa chỉ: Số 26 ngách 36 ngõ Giếng Mứt, phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Lợi: Ông Nguyễn Thế Mùi (theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2016).

3. *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thế Mùi; ông Nguyễn Thế Tân

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngân hàng TMCP Quân Đội chi nhánh Thanh Xuân và Công ty TNHH Thiên Tân đã ký 02 hợp đồng tín dụng ngắn hạn để thanh toán tiền mua hàng: Hợp đồng tín dụng ngày 04/10/2012, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay là 1.500,000,000 đồng; Hợp đồng tín dụng ngày 24/12/2012 Ngân hàng giải ngân số tiền cho vay là 1.650,000,000 đồng.

Tổng số tiền Ngân hàng TMCP Quân Đội đã giải ngân cho Công ty TNHH Thiên Tân vay theo hai khế ước nhận nợ trên là 3.150.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH Thiên Tân gồm:

+ Ông Nguyễn Thế Mùi và bà Nguyễn Thị Lợi thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ Giếng Mứt, phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đứng tên ông Mùi và bà Lợi để bảo đảm cho khoản vay tối đa là 2.521.000.000 VNĐ.

+ Tài sản đảm bảo là hàng hóa luân chuyển gồm các mặt hàng thực phẩm do Công ty Thiên Tân kinh doanh duy trì ở mức tối thiểu là 3.000.000.000 đồng.

Sau khi được Ngân hàng TMCP Quân đội giải ngân, Công ty TNHH Thiên Tân chỉ trả được một phần tiền lãi và tiền gốc. Kể từ thời điểm ngày 04/01/2013

Công ty TNHH Thiên Tân không thanh toán khoản tiền nợ gốc và nợ lãi nào cho Ngân hàng TMCP Quân đội nữa.

Ngân hàng TMCP Quận đội đã khởi kiện Công ty TNHH Thiên Tân tại Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng. Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2016, Ngân hàng Quân đội yêu cầu: Buộc Công ty TNHH Thiên Tân phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 04/01/2016 của khoản vay trên tổng số tiền: **4.877.196.575 đồng** (bốn tỷ tám trăm bẩy mươi bẩy triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bẩy mươi lăm đồng); trong đó: nợ gốc**: 3.120.000.000 đồng** (ba tỷ một trăm hai mươi triệu đồng), tiền lãi (lãi trong hạn và lãi quá hạn): **1.757.196.575 đồng** (một tỷ bẩy trăm năm mươi bẩy triệu, một trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bẩy mươi lăm đồng) đến khi trả xong nợ. Trường hợp Công ty TNHH Thiên Tân không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Quân đội được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý hai tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. **Tuy nhiên, ngày 01/06/2017**, Ngân hàng TMCP Quân đội có đơn xin rút yêu cầu xử lý, phát mại đối với tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển do Công ty TNHH Thiên Tân đã bán hết hàng hoá trong kho.

Tại cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Thế Tân, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thiên Tân trình bày:

Công ty TNHH Thiên Tân xác nhận Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội đã ký kết hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, Ông Nguyễn Thế Mùi và bà Nguyễn Thị Lợi đã tự nguyện thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ Giếng Mứt, phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội đứng tên ông Nguyễn Thế Mùi và bà Nguyễn Thị Lợi. Ngoài ra Công ty còn thế chấp hàng hóa cho Ngân hàng là các mặt hàng thực phẩm Công ty đang kinh doanh.

Công ty TNHH Thiên Tân xác nhận số nợ gốc và lãi hiện nay như nguyên đơn trình bày. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian cho Công ty để Công ty thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Lời khai của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Nguyễn Thế Mùi, bà Nguyễn Thị Lợi do ông Mùi là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do quan hệ hàng xóm, quen biết nhau nên ông Mùi và bà Lợi đã đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 64, tờ bản đồ số 5H-II-04 tại địa chỉ số 26 ngách 36 ngõ Giếng Mứt, phố Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho Công ty Thiên Tân vay tiền của Ngân hàng Quân đội theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như nguyên đơn và bị đơn đã trình bầy.Tài sản đảm bảo ông Mùi và bà Lợi đảm bảo tối đa cho khoản vay là 2.521.000.000 VNĐ. Nay ông bà đề nghị buộc Công ty Thiên Tân phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nợ Ngân hàng và căn cứ điều 134; mục 2 Điều 137; mục 2 Điều 45 của Bộ luật dân sự

2005 để tuyên Hợp đồng thế chấp tài sản ký ngày 18/09/2012 giữa ba bên giao dịch vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức để trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và đất cho gia đình ông bà.

Anh Nguyễn Quốc Vượng, chị Nguyễn Thị Thương, anh Nguyễn Quốc Việt, chị Trịnh Quỳnh Anh, anh Nguyễn Phương Nam, chị Nguyễn Tú Quyên trình bày: Các anh chị cùng xác nhận nhà đất tại số 26/36 ngõ Giếng Mứt, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội được gia đình xây dựng mới hoàn toàn là nhà 04 tầng 01 tum từ năm 2005. Từ đó cho đến nay nhà đất của ông Mùi, bà Lợi vẫn giữ nguyên hiện trạng không có sửa chữa gì mới. Đến năm 2012, ông Mùi, bà Lợi cho ông Tân mượn sổ đỏ đi thế chấp vay tiền của Ngân hàng đúng như ông Mùi, bà Lợi đã trình bầy. Nay Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc Công ty Thiên Tân phải có trách nhiệm trả tiền vay của Ngân hàng để Ngân hàng trả lại sổ đỏ cho gia đình các anh chị.

Bản án sơ thẩm số 07/2018/KDTM-ST ngày 25/5/2018 của Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân Đội đối với Công ty TNHH Thiên Tân. Buộc Công ty TNHH Thiên Tân phải trả số tiền nợ tính đến ngày 25/05/2018 cho Ngân hàng TMCP Quân Đội là **6.237.535.000** (*sáu tỷ, hai trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng)*. Trong đó: nợ gốc là **3.073.000.000** (*ba tỷ, không trăm bảy mươi ba triệu đồng)*; nợ lãi là **3.164.000.000** (*ba tỷ, một trăm sáu mươi bốn triệu đồng.*

Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ 2, tuy nhiên người kháng cáo là Công ty Thiên Tân không có mặt theo giấy triệu tập.

Quan điểm của TP:

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

****Về các nội dung kháng cáo:***

- Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn đã khởi kiện trong hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo của Công ty Thiên Tân:

+ Đối với Hợp đồng tín dụng:

Về nợ gốc: Hai bên ký kết là tự nguyện, theo đúng quy định pháp luật. Ngân hàng đã giải ngân theo hai hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 3.150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty Thiên Tân đã trả cho Ngân hàng được 77.000.000đồng tiền nợ gốc và 51.169.258 *đồng* tiền lãi cho cả hai khế ước đã ký. Như vậy, Công ty Thiên Tân còn nợ Ngân hàng TMCP Quân đội số tiền gốc là là 3.073.000.000 đồng.

Về nợ lãi: Khế ước nhận nợ số LD1227800272 ngày 04/10/2012: Số tiền vay là 1.500,000,000 đồng, thời hạn vay kể từ ngày 04/01/2012 đến ngày 04/01/2013; lãi suất 13%/năm. Hợp đồng tín dụng số 299.12.003.1289054.TD ngày 24/12/2012

theo khế ước nhận nợ số LD1236200316 ngày 27/12/2012, số tiền vay là 1.650,000,000 VNĐ, thời hạn vay kể từ ngày 27/12/2012 đến ngày 27/03/2013, lãi suất 12%/năm. Ngân hàng tính mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn không vượt quá quy định về mức lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của Công ty Thiên Tân đã hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do vì vậy căn cứ vào khoản 3 điều 296 Bộ luật TTDS đề xuất: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty Thiên Tân.

-Về yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thế Mùi: Ông Mùi cho rằng quá trình nhận thế chấp tài sản Ngân hàng đã không tuân thủ quy định về thủ tục ủy quyền đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho những người được ủy quyền lại và trong quá trình thế chấp tài sản, ông Mùi bị Công ty Thiên Tân lừa dối. Tuy nhiên hai đề nghị trên của ông Mùi không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Mùi không được chấp nhận.

-Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán đã có sự nhầm lẫn về cách tình nợ gốc và nợ lãi. Do vậy đề suất sửa đối với nội dung này.

- Số tiền tạm ứng án phí kháng cáo: Cấp sơ thẩm chỉ cho nộp tạm ứng án phí KDTM phúc thẩm 300.000 đồng là chưa đúng theo quy định pháp luật, cần rút kinh nghiệm. Đề suất sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

Thẩm phán báo cáo

Lê Thanh Bình